QUYỀN YÊU CẦU HỦY VIỆC KẾT HÔN TRÁI PHÁP LUẬT THEO LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH NĂM 2014 VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

NGUYỄN ĐỨC HIỆP
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 14/4/2025. Sửa chữa xong 19/4/2025. Duyệt đăng 23/4/2025.

Abstract

The article examines the legal provisions regarding the entities entitled to request the annulment of an unlawful marriage, in order to identify limitations in the regulations of the 2014 Law on Marriage and Family. Based on this analysis, the author provides proposals and recommendations to improve the legal framework on this issue.

Keywords: *Entities, unlawful marriage, annulment of unlawful marriage.*

1. Đặt vấn đề

Kết hôn trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật về điều kiện kết hôn, chế tài Hủy kết hôn trái pháp luật là một vấn đề nhạy cảm và phức tạp đòi hỏi cần có quy định rõ ràng và chặt chẽ để đảm bảo tính công bằng và đúng đắn trong quá trình giải quyết. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có quy định rõ về các chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Tuy nhiên, thực tế thi hành cho thấy quy định về chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật còn bộc lộ những thiết sót và hạn chế nhất định. Việc hoàn thiện quy định về chủ thể yêu có quyền cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ quan hệ hôn nhân gia đình và các giá trị truyền thống, thuần phong mỹ tục của người dân Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết trong thực tiễn xét xử tại Tòa án.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chủ thể có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật

Quy định chủ thể có quyền hủy việc kết hôn trái pháp luật là cơ sở để Tòa án thụ lý, xem xét giải quyết việc dân sự. Chỉ khi chủ thể có quyền yêu cầu có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì Tòa án mới có căn cứ thụ lý và giải quyết. Theo Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định chủ thể có quyền hủy việc kết hôn trái pháp luật: *"1. Người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật này. 2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại các điểm a, c và d khoản 1 Điều 8 của Luật này: a) Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật; b) Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; c) Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; d) Hội liên hiệp phụ nữ. 3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện việc kết hôn trái pháp luật thì có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.*

Như vậy, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có sự phân hóa về chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật dựa trên các căn cứ xác định việc kết hôn trái pháp luật. Cụ thể:

Email: lawyerduchiep@gmail.com

2.1.1. Trường hợp kết hôn do có hành vi cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn hay nói cách khác đây là trường hợp kết hôn vi phạm sự tự nguyện được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 thì chỉ có người bị cưỡng ép, người bị lừa dối mới có quyền yêu cầu tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật vì chính người bị cưỡng ép, bị lừa dối mới đánh giá được mức độ, sự ảnh hưởng của sự cưỡng ép, lừa dối đó đối với mình, người ngoài cuộc không thể biết được. Do đó, họ có quyền quyết định lựa chọn cách sự xử tùy theo nhận thức, cảm nhận và tình cảm của mình. Nếu họ thông cảm và có tình cảm yêu thương đối với người đã cưỡng ép, lừa dối mình và không muốn chấm dứt việc kết hôn đó thì pháp luật cũng không can thiệp vào quan hệ của họ.

Cũng cần lưu ý rằng, pháp luật không quy định cho người cưỡng ép, lừa dối kết hôn có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật xuất phát từ lý do bản thân họ là người đã gây ra hành vi cưỡng ép, lừa dối kết hôn, họ muốn duy trì quan hệ hôn nhân trái pháp luật nên họ sẽ không có quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật. Dưới góc độ bảo vệ quyền và lợi ích của bên bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, có thể thấy rằng quan điểm của nhà làm luật, bên cưỡng ép kết hôn hoặc lừa dối kết hôn sẽ không được quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật là do không thể trao cho họ quyền được huỷ bỏ một quan hệ mà họ đã có hành vi trái pháp luật để tham gia rồi sau đó không muốn tiếp tục lại huỷ bỏ đi, điều đó có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến bên bị cưỡng ép, bị lừa dối.

2.1.2. Trường hợp kết hôn trái pháp luật do vi phạm quy định tại điểm a,c và d khoản 1 Điều 8 thì các chủ thể có quyền trực tiếp yêu cầu Toà án huỷ việc kết hôn trái pháp luật bao gồm:

(i) Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác. Bởi vì trong quan hệ hôn nhân, vợ chồng gắn kết với nhau về những lợi ích nhân thân phát sinh từ quan hệ vợ chồng. Khi một bên vợ, chồng kết hôn với người khác sẽ xâm phạm trực tiếp quyền, lợi ích nhân thân của người chồng, người vợ kia, nên họ có quyền khởi kiện để bảo vệ quyền lợi của mình, bảo vệ quan hệ hôn nhân của mình. Mặt khác, vợ, chồng của người kết hôn trái pháp luật thường là người phát hiện ra hành vi trái pháp luật của chồng, vợ mình và muốn bảo vệ quan hệ hôn nhân cũng như gia đình của mình. Đây được coi là một quyền nhân thân của vợ chồng nên vợ, chồng có quyền tự định đoạt trong việc khởi kiện yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Đây được coi là trường hợp vi phạm nguyên tắc hôn nhân một vợ, một chồng hoặc đồng thời có cả sự lừa dối kết hôn. Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDT-BTP hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, người đang có vợ hoặc có chồng được xác định là người thuộc một trong các trường hợp sau đây: Người đã kết hôn với người khác theo đúng quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nhưng chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết; Người xác lập quan hệ vợ chồng với người khác trước ngày 03-01-1987 mà chưa đăng ký kết hôn và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết; Người đã kết hôn với người khác vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng đã được Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và chưa ly hôn hoặc không có sự kiện vợ (chồng) của họ chết hoặc vợ (chồng) của họ không bị tuyên bố là đã chết.

Bên cạnh đó, pháp luật còn trao quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật cho cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật, những chủ thể này có quan hệ mật thiết với một trong hai bên kết hôn trái pháp luật, thường là quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng nên pháp luật trao cho họ có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là hoàn toàn hợp lý. Cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật: Đối với cha, mẹ có thể là cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi. Con thì có thể là con đẻ, con nuôi. Người giám hộ có thể là giám hộ đương nhiên hoặc giám hộ cử theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 như vợ, chồng, con cái, cha mẹ (tuy nhiên những người này đã là diện chủ thể được chỉ định nên có thể họ khởi kiện với tư cách là vợ, chồng, cha mẹ, con cái mà không phải với tư cách là người giám hộ). Do đó, người giám hộ có thể là một ai đó được cử và họ cũng có quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật của người được giám hộ. Ví dụ, người được Hội Liên hiệp phụ nữ xã cử làm người giám hộ cho một thành viên của Hội cũng có quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật của

người được giám hộ. Người đại diện của người kết hôn trái pháp luật có thể trùng với người giám hộ hoặc không; có thể trùng với cha mẹ, vợ chồng, con cái hoặc không. Do đó, pháp luật đã dùng từ người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác. Như vậy, diện những cá nhân được quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật trong trường hợp này là khá rộng. Ví dụ, khi không còn ai là giám hộ đương nhiên, hoặc không ai trong số những chủ thể có thể là giám hộ đương nhiên đủ điều kiện là giám hộ thì phải cử một người nào đó (không phải trong số những người có quan hệ thân thích) làm giám hộ, họ đồng thời là người đại diện và họ sẽ được thực hiện quyền yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật.

(ii) Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 187 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền khởi kiện vụ án về hôn nhân và gia đình theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

Điều 3 Nghị định của Chính phủ số 02/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 quy định về công tác gia đình quy định: "*Uỷ ban nhân dân (UBND)* các cấp thực hiện quản lý nhà nước về công tác gia đình tại địa phương"; tại khoản 1 Điều 90 Luật Trẻ em 2016 "*UBND các cấp thực hiện quản lý nhà nước về trẻ em theo thẩm quyền,…";* tại khoản 8 Điều 1 Nghị định của Chính phủ số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc U BND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương "*11. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Lao động;…; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em;… 12. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Văn hóa; gia đình;…".* Như vậy, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em là UBND các cấp. Ngoài ra, còn có các cơ quan khác tham mưu giúp UBND như: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác trẻ em; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Phòng Văn hóa và Thông tin quản lý nhà nước về công tác gia đình. Cùng với đó, dựa vào tính đặc thù của tổ chức, Hội Liên hiệp phụ nữ luôn có biện pháp tìm hiểu, nắm bắt tình hình vụ việc, kiến nghị và phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thúc đẩy việc xem xét, giải quyết vụ việc khi tiếp nhận được đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc kết hôn trái pháp luật. Có thể nói, việc pháp luật cho phép các cơ quan này có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là hợp lý bởi lẽ đây đều là những cơ quan quản lý hành chính cấp địa phương, quản lý dân cư, xã hội ở từng địa phương do đó khi phát hiện những vấn đề sai phạm thì họ có thể kịp thời ngăn chặn cũng như đưa ra phương án giải quyết nhanh chóng, kịp thời.

Bên cạnh đó, cá nhân, cơ quan, tổ chức khác phát hiện việc kết hôn trái pháp luật thì có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật. Như vậy, pháp luật trao quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật cho rất nhiều chủ thể, bởi lẽ việc kết hôn trái pháp luật không chỉ vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chính những người kết hôn mà còn ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của người khác như vợ, chồng, con cái họ và ảnh hưởng tới lợi ích xã hội. Vì vậy để bảo vệ quyền lợi của cá nhân, bảo vệ lợi ích gia đình và xã hội pháp luật hôn nhân gia đình đã quy định không chỉ bản thân hai bên nam nữ mà cả cha, mẹ, vợ, chồng, con của các bên, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình đều có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Quy định này một mặt phát huy vai trò của các cơ quan, tổ chức trong việc bảo vệ pháp chế, mặt khác là nhằm đảm bảo việc xử lý đối với các trường hợp kết hôn trái pháp luật vẫn được tiến hành khi các cá nhân không yêu cầu.

2.2. Hạn chế trong quy định về chủ thể có quyền yêu cầu Hủy việc kết hôn trái pháp luật và kiến nghị hoàn thiện

2.2.1. Khoản 1 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về các chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm điều kiện về sự tự nguyện. Vấn đề đặt ra, nếu người mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác dẫn đến không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi nhưng chưa bị Tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự mà kết hôn thì chủ thể nào có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn

trái pháp luật trong trường hợp này. Rõ ràng, việc họ kết hôn sẽ không vi phạm điểm c Khoản 1 Điều 8 vì họ chưa bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nhưng việc họ không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi sẽ không đảm bảo được yếu tố tự nguyện. Do đó, theo quan điểm của tác giả, pháp luật cần quy định chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật trong trường hợp này.

Kiến nghị: Quy định thêm trường hợp người mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác dẫn đến không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi nhưng chưa bị Tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự mà kết hôn là hành vi vi phạm sự tự nguyện. Việc quy định như vậy có ý nghĩa thống nhất trong việc áp dụng pháp luật. Bởi lẽ, thực tiễn vẫn tồn tại quan điểm cho rằng, người chưa bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự mặc dù mắc bệnh tâm thần không có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi thì vẫn được kết hôn nhưng khi giải quyết quan hệ nhân thân có liên quan, một số Tòa án lại tuyên bố là việc kết hôn trái pháp luật [1]. Đồng thời, tương ứng với đó cần bổ sung thêm chủ thể được quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật HN&GĐ năm 2014 có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật trong trường hợp này.

2.2.2. Theo điểm a khoản 2 Điều 10 quy định vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật. Vậy, nếu việc kết hôn vi phạm điểm a, c và d Khoản 1 Điều 8 thì một hoặc hai bên trong quan hệ kết hôn trái pháp luật có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chính họ hay không hiện nay không có quy định. Trong khi thực tế cho thấy, phần lớn các yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật do chính một trong hai bên chủ thể trong quan hệ kết hôn trái pháp luật yêu cầu và các Tòa án vẫn thụ lý giải quyết. Ví dụ, Năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý vụ án sau: Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa khi chị B chưa đủ 18 tuổi (vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình). Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh A yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa hủy Giấy chứng nhận kết hôn của anh chị và giải quyết cho anh được ly hôn chị B.

Quá trình giải quyết, Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp là "Yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật", bản án tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm [2].

Như vậy, rõ ràng nếu chiếu theo quy định tại Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh A và chị B không có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của họ. Tuy nhiên, Tòa án vẫn thị lý và chấp nhận yêu cầu của nguyện đơn. Đối với vấn đề này, trước đây Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định một hoặc hai bên đã kết hôn trái pháp luật, vợ, chồng hoặc con của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác…có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân hủy việc kết hôn trái pháp luật. Rõ ràng, việc quy định chủ thể theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 là toàn diện, đầy đủ hơn. Do đó, theo quan điểm của tác giả, pháp luật cần quy định bổ sung quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của một hoặc hai bên đã kết hôn trái pháp luật trong trường hợp vi phạm điểm a, c, d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kiến nghị: Sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*: "Một hoặc hai bên đã kết hôn trái pháp luật; vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật".*

2.2.3. Về quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp phụ nữ hiện nay là phù hợp với thực tiễn và thống nhất với các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật. Tuy nhiên, các cơ quan trên được cơ cấu theo các cấp. Cụ thể, Hội Liên hiệp phụ nữ được cơ cấu theo 4 cấp gồm cấp cơ sở, cấp huyện, cấp tỉnh và cấp trung ương; UBND cơ cấu theo 3 cấp gồm cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh. Vậy vấn đề đặt ra thẩm quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật sẽ thuộc về cơ quan ở cấp nào. Đối với vấn đề này, theo tác giả Nguyễn Văn Cừ cho rằng: *"Luật quy định cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em có quyền yêu cầu Tòa án hủy bỏ việc kết hôn trái pháp luật. Tuy nhiên,*

các cơ quan này được quy định ở từng giai đoạn chua cụ thể, quá trình áp dụng chưa rõ là các cơ quan nào và ở cấp nào (xã, huyện, tỉnh)"[3].

Kiến nghị: Pháp luật cần có quy định rõ ràng về thẩm quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thuộc cấp nào có như vậy mới phát huy được vai trò của chủ thể yêu cầu trong việc phát hiện vi phạm pháp luật về kết hôn trái pháp luật nhằm đảm bảo trật tự xã hội và lợi ích công cộng, đồng thời phát huy được vai trò, trách nhiệm, tránh đùn đẩy, né tránh trách nhiệm của các cơ quan công quyền để đảm bảo hiệu quả thực thi trên thực tế.

2.2.4. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có sự phân hoá về chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật dựa trên căn cứ các điều kiện kết hôn. Xét về điều kiện kết hôn, người kết hôn không những phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều 8 mà còn cần phải đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chỉ đề cập đến các chủ thể có quyền hủy việc kết hôn trái pháp luật trong trường hợp vi phạm điều kiện kết hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bao gồm vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn, sự tự nguyện, các hành vi cấm kết hôn và người kết hôn bị mất năng lực hành vi dân sự mà không quy định trong trường hợp kết hôn trái pháp luật do vi phạm Khoản 2 Điều 8 thì chủ thể nào có quyền quyền cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là chưa có sự thống nhất với quy định điều kiện kết hôn.

Kiến nghị: Theo quan điểm của tác giả, pháp luật cần quy định chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật trong trường hợp vi phạm Khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 theo hướng: Chủ thể được quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật trong trường hợp vi phạm khoản 2 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những kiến nghị trên, theo quan điểm tác giả có thể sửa đổi, bổ sung Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau:

Điều 10. Người có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: *"1. Người bị cưỡng ép kết hôn, bị lừa dối kết hôn, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền tự mình yêu cầu hoặc đề nghị cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật này. 2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức sau đây, theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, có quyền yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật do việc kết hôn vi phạm quy định tại các điểm a, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 8 của Luật này: a) Một hoặc hai bên đã kết hôn trái pháp luật, Vợ, chồng của người đang có vợ, có chồng mà kết hôn với người khác; cha, mẹ, con, người giám hộ hoặc người đại diện theo pháp luật khác của người kết hôn trái pháp luật; b) Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; c) Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; d) Hội liên hiệp phụ nữ. 3. Cá nhân, cơ quan, tổ chức khác khi phát hiện việc kết hôn trái pháp luật thì có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật.*

3. Kết luận

Kết hôn trái pháp luật là hành vi vi phạm pháp luật, không chỉ xâm phạm tới quyền và lợi ích của các chủ thể trong mối quan hệ gia đình mà còn đi ngược lại với phong tục, tập quán truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Hoàn thiện quy định của pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật nói chung và quy định về chủ thể có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo vệ, xây dựng hạnh phúc gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc.

Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Tư pháp (2025), *Báo cáo sơ kết thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014*, nguồn: https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chi-dao-dieu-hanh.aspx?ItemID=2665, truy cập ngày 6/4/2025.

[2] Trà My (2025), *Bất cập khi áp dụng pháp luật về hủy việc kết hôn trái pháp luật*", nguồn: https://vksquangngai.gov.vn/bat-cap-khi-ap-dung-phap-luat-ve-huy-viec-ket-hon-trai-phap-luat-419.html, truy cập ngày 6/4/2025.

[3] Nguyễn Văn Cừ (2023), *Những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014*, Tạp chí Luật học, số 2.